

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA
Năm 2013



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

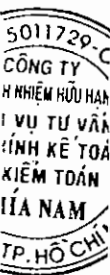
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 3.820.5944 – 3.820.5947; Fax: 3.820.5942

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán năm 2013	07 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	10 – 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013	13 – 30



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000451 ngày 01 tháng 11 năm 2007 thay đổi lần thứ 3 và thay đổi mã doanh nghiệp số 3500701305 cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa ngày 08 tháng 10 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; Mua bán vật tư thiết bị; Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại; Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng; Cho thuê phương tiện vận tải; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh bất động sản; Chế biến và kinh doanh nông sản; Chế biến và kinh doanh hải sản; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Huỳnh Lin	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30/5/2013)
Ông Lê Thái Sơn	Thành viên	
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	
Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 31/5/2013)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2010)
Ông Phan Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 20 tháng 05 năm 2009 và bổ nhiệm lại ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Phạm Quốc Thái	Phó Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2010)

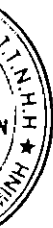
Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.BR - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 03 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

Số: 229./BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(Về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa).

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa.
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa được lập ngày 29 tháng 03 năm 2014 từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

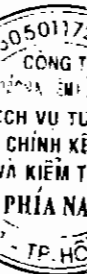
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Bà Rịa tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.299.687.880.053	1.521.147.298.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	471.888.793.535	222.309.481.633
1. Tiền	111		8.188.793.535	5.309.481.633
2. Các khoản tương đương tiền	112		463.700.000.000	217.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	607.000.000.000	540.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		607.000.000.000	540.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	48.017.527.072	622.032.159.395
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	31.065.311.411	602.864.906.011
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	88.690.516	32.799.700
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	17.019.116.646	19.513.145.185
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	3.4	(155.591.501)	(378.691.501)
IV. Hàng tồn kho	140	4	147.427.024.336	135.570.573.616
1. Hàng tồn kho	141		147.427.024.336	135.570.573.616
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	25.354.535.110	1.235.083.891
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	718.124.665	453.106.582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.3	24.555.748.908	667.657.880
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	80.661.537	114.319.429
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		513.444.645.905	675.316.232.854
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		217.895.999.581	358.435.969.862
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	217.336.774.888	358.321.813.991
- Nguyên giá	222		2.342.273.406.680	2.338.512.575.161
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.124.936.631.792)	(1.980.190.761.170)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	559.224.693	114.155.871
- Nguyên giá	228		3.889.064.839	3.029.036.383
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.329.840.146)	(2.914.880.512)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	294.641.108.371	307.250.927.800
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	8.1	307.250.927.800	307.250.927.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	8.2	(12.609.819.429)	
V. Tài sản dài hạn khác	260	9	907.537.953	9.629.335.192
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	696.697.953	421.185.192
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9.2		9.000.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268	9.3	210.840.000	208.150.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.813.132.525.958	2.196.463.531.389

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		850.783.479.002	1.231.040.053.313
I. Nợ ngắn hạn	310	10	226.188.258.709	514.068.933.055
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	108.428.058.062	106.546.499.244
2. Phải trả người bán	312	10.2	84.457.264.373	294.496.387.414
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	1.430.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	-	52.171.106.904
5. Phải trả người lao động	315	10.5	16.965.670.220	13.784.204.034
6. Chi phí phải trả	316	10.6	3.121.408.435	39.959.250.765
7. Phải trả nội bộ	317		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	10.7	3.833.415.689	3.127.654.311
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	10.8	9.381.011.930	3.983.830.383
II. Nợ dài hạn	330	11	624.595.220.293	716.971.120.258
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.1	624.595.220.293	716.971.120.258
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		962.349.046.956	965.423.478.076
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	962.349.046.956	965.423.478.076
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		604.856.000.000	604.856.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.560.228.689	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			(9.920.810.179)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.539.724.164	7.142.254.271
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		20.740.763.520	8.343.293.627
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11.199.604.550	5.000.869.603
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		298.452.726.033	350.001.870.754
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.813.132.525.958	2.196.463.531.389

50172
CÔNG TY
TÍNH KẾ
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
TP. HỒ C

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

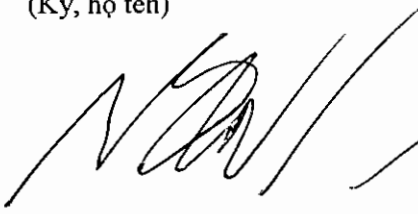
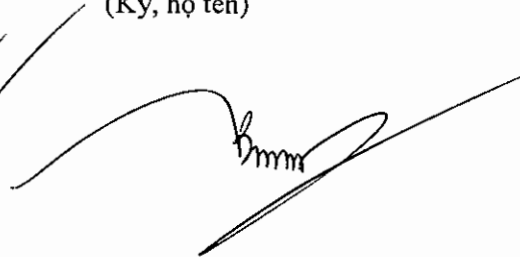
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Vật tư thu hồi			
6. Ngoại tệ các loại (USD)		359,88	359.51
7. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

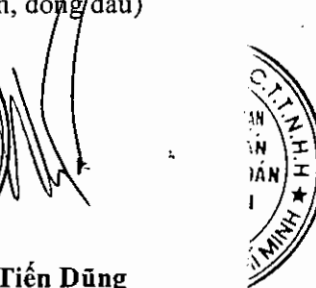
Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Hùng Minh

Trần Thị Bảo Xuân

Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	13	1.132.553.041.866	1.430.206.482.379
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	1.132.553.041.866	1.430.206.482.379
4. Giá vốn hàng bán	11	16	1.052.283.777.041	1.233.804.561.365
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		80.269.264.825	196.401.921.014
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	113.052.671.557	30.049.303.711
7. Chi phí tài chính	22	18	91.630.176.933	26.463.306.079
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.525.524.321	30.667.591.354
8. Chi phí bán hàng	24		234.820.524	215.542.072
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.787.389.813	27.220.970.337
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		72.669.549.112	172.551.406.237
11. Thu nhập khác	31	19	472.624.329	10.624.993.333
12. Chi phí khác	32	20	293.938.199	484.438.584
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		178.686.130	10.140.554.749
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		72.848.235.242	182.691.960.986
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	8.827.053.193	56.351.553.197
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	22	9.000.000.000	(9.000.000.000)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		55.021.182.049	135.340.407.789
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		921	2.283

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Hùng Minh



Trần Thị Bảo Xuân



Nguyễn Tiên Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	72.848.235.242	182.691.960.986
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	146.965.397.861	165.351.880.439
- Các khoản dự phòng	03	12.386.719.429	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	16.142.030.087	(2.364.528.855)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(80.158.383.840)	(27.684.774.856)
- Chi phí lãi vay	06	25.525.524.321	30.667.591.354
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	193.709.523.100	348.662.129.068
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	547.259.201.965	453.839.501.468
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.856.450.720)	(29.280.940.853)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(232.043.662.524)	182.533.590.718
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(540.530.844)	244.697.105
- Tiền lãi vay đã trả	13	(26.226.504.722)	(31.253.057.391)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(69.332.249.403)	(29.267.503.446)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	255.516.000	47.920.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.682.268.826)	(4.836.030.143)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	397.542.574.026	890.690.306.526
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.984.325.902)	(3.734.696.970)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	145.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(317.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	250.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(620.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		80.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	83.365.639.966	8.613.885.966
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.526.314.064	(535.120.811.004)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

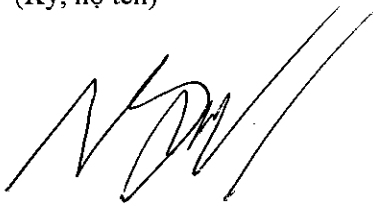
Đơn vị tính: VND

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	17.481.038.868	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	102.000.000.000	122.021.058.404
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(213.082.523.931)	(230.866.212.822)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(64.888.091.125)	(46.504.565.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(158.489.576.188)	(155.349.719.918)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	249.579.311.902	200.219.775.604
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	222.309.481.633	22.089.193.674
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		512.335
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	471.888.793.535	222.309.481.633

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Phạm Hùng Minh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Thị Bảo Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tiên Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500701305 cấp ngày 01 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 08 tháng 10 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vốn điều lệ của Công ty là: 604.856.000.000 đồng (Sáu trăm lẻ bốn tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện; Mua bán vật tư thiết bị; Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Sản xuất nước cất, nước uống đóng chai; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và dịch vụ có liên quan đến công việc chế tạo kim loại; Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng; Cho thuê thiết bị, tài sản cố định, cầu cảng, văn phòng; Cho thuê phương tiện vận tải; Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh bất động sản; Chế biến và kinh doanh nông sản; Chế biến và kinh doanh hải sản; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Vận tải, bốc dỡ hàng hóa.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- 1. Niên độ kế toán:** Niên độ tiếp theo của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chế độ kế toán áp dụng:

- 1. Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 /03/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

- 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

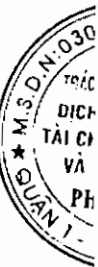
1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua,



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
- Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.
- 2.2 **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- 2.3 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.
- 2.4 **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Không phát sinh.
3. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**
- 3.1 **Nguyên tắc ghi nhận:**
- Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- 3.2 **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Không phát sinh.
4. **Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:** Không phát sinh.
5. **Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**
- 5.1 **Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**
- Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.
- 5.2 **Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203 /2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.
6. **Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:**
- 6.1. **Nguyên tắc ghi nhận BDS đầu tư:** Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- 6.2. **Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:** Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.
7. **Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**
- 7.1 **Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

0117
CÔNG T
NHIỆM H
VU TU
NH KẾ
KIỂM T
IA NA
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh

7.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

7.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: không phát sinh

8. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

8.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

8.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

9. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

9.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

9.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

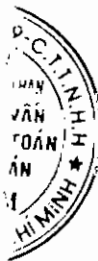
Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

9.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

10. *Kế toán các hoạt động liên doanh:*

10.1 *Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:*

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

10.2 *Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:*

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

11. *Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:*

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

12. *Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: không phát sinh*

13. *Ghi nhận chi phí trả trước:*

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

14. *Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi: Không phát sinh*

15. *Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không phát sinh*



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

16. Nguồn vốn chủ sở hữu:

16.1 Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại:

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

16.2 Ghi nhận cổ tức:

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

16.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

17.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

17.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

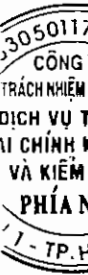
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

17.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

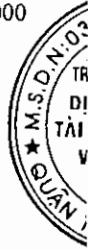
V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
1.1- Tiền mặt - VND	43.405.549	67.351.870
- Tiền mặt tại quỹ	43.405.549	67.351.870
1.2- Tiền gửi ngân hàng	8.145.387.986	5.242.129.763
a. Tiền Việt Nam	8.137.800.487	5.234.646.562
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	3.649.570.553	2.566.867.147
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	877.481.576	1.045.338.269
- Ngân hàng NN&PT Nông thôn - TP.Vũng Tàu	3.225.872.377	834.091.945
- Ngân hàng NN&PT Nông thôn - CN TP. Bà Rịa	294.800.533	
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Thị xã Bà Rịa	80.079.481	788.349.201
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Vũng Tàu	9.995.967	
b. Ngoại tệ	7.587.499	7.483.201
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bà Rịa - Vũng Tàu (# 359,88 USD)	7.587.499	7.483.201
1.3- Tương đương tiền (tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng)	463.700.000.000	217.000.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Bà Rịa		50.000.000.000
- Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu		20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Bà Rịa Vũng Tàu	354.000.000.000	127.000.000.000
- Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Bà Rịa	9.700.000.000	
- Công ty Cổ phần Tài chính Điện Lực	100.000.000.000	
- Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Vũng Tàu		20.000.000.000
Cộng	471.888.793.535	222.309.481.633
2. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH XNK Việt Nam- CN Bà Rịa Vũng Tàu	120.000.000.000	30.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH NN và PTNT Việt Nam- CN Vũng Tàu	57.000.000.000	30.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH NN và PTNT Việt Nam- CN Bà Rịa	150.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại NH TMCP AN Bình - CN Bà Rịa	50.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	100.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Công Ty CP Tài Chính Điện Lực	50.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công Ty CP Tài Chính Điện Lực	80.000.000.000	80.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Công Ty CP Tài Chính Điện Lực		300.000.000.000
- Tiền ủy thác có thời hạn 1 năm tại Công ty Tài chính cổ phần Điện lực (theo hợp đồng Ủy Thác Quản lý vốn)		100.000.000.000
Cộng	607.000.000.000	540.000.000.000
3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1- Phải thu khách hàng	31.065.311.411	602.864.906.011
- Công ty Mua Bán Điện Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	24.330.805.373	600.419.236.559
- Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	4.495.020.000	
- Tổng Công ty Công Nghệ Năng Lượng Dầu Khí VN - CTCP	1.339.906.839	
- CB CNV, khách vãng lai	52.998.600	48.098.400
- Công ty Cổ phần nhà máy Đạm Phú Mỹ		11.061.050
- Trường THCS Trần Đại Nghĩa		1.460.000
- Công ty TNHH Thiết bị xa bờ OS	1.200.000	1.680.000
- Công ty TNHH Thảo Nguyên	5.940.000	2.750.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

- Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	780.000	300.000
- Ngân hàng Xuất nhập khẩu (Eximbank)		360.000
- Trung tâm văn hóa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		4.320.000
- Ngân hàng TMCổ phần An Bình		120.000
- Thư viện Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		1.552.000
- Chi nhánh điện Bà Rịa		597.000
- Sở Y tế tỉnh Bà Rịa VT	1.692.000	1.128.000
- Trung tâm GTTX dạy nghề GTVL Tp.Vũng Tàu	2.584.000	422.000
- Công ty TNHH PosCo Việt Nam		29.700.000
- Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Giang	361.198.599	361.198.599
- Công trình tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ	11.310.000	1.417.030.403
- Công ty Cổ phần Thiết kế xây dựng Hải Vân		16.500.000
- Công ty Dịch vụ Hàng Hải Dầu Khí	143.990.000	173.107.000
- Công ty TNHH Cơ Điện Minh Anh		29.700.000
- Công ty Năng Lượng Mekong	200.200.000	270.600.000
- Công ty Cổ phần China Steel Sumikin Việt Nam		71.225.000
- Trường THPT Châu Thành		2.760.000
- Công ty TNHH TB và DV Công nghệ Sao Phương Bắc	46.200.000	
- Công trình tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ	30.000.000	
- CN Công ty Cổ phần Kết cấu KL & Lắp máy DK - XN Xây lắp 2	20.640.000	
- CN Công ty Cổ phần Kết cấu KL & Lắp máy DK - XN Xây lắp 3	3.480.000	
- Linde Gas Viet Nam Limited	12.540.000	
- Công ty TNHH Thiên Phúc Sông Rạch Hào	1.416.000	
- Công ty TNHH Xuân Thiên	600.000	
- Công ty TNHH Cấp nước Tóc Tiên - H.Tân Thành	1.040.000	
- Công ty Cổ phần Tân Thành Đô City Ford - CN Vũng Tàu	720.000	
- Công ty TNHH Táo Khuyết - Bà Rịa	720.000	
- Công ty Cổ phần Chế biến XNK Thủy sản Bà Rịa Vũng Tàu	330.000	
3.2- Trả trước cho người bán	88.690.516	32.799.700
- Văn phòng công nhận chất lượng		24.000.000
- Công ty TNHH MTV TM DV Tài Phát		5.859.700
- Công ty TNHH TM và DV Thanh An	46.722.316	
- Báo Đầu Thầu	110.000	
- Trần Kim Định	10.000.000	
- Công ty MHE-DEMAG VietNam Co.Ltd	31.858.200	
- Công ty TNHH MTV TM DV Phước Minh		2.940.000
3.3- Các khoản phải thu khác	17.019.116.646	19.513.145.185
- Viện cơ khí Bộ Công Nghiệp	1.255.278	1.255.278
- Tạm treo chi phí quỹ PL		773.069
- Công Ty TNHH TM Nguyễn Chí	155.591.501	378.691.501
- Chi phí khảo sát các công trình dịch vụ ngoài	913.903.374	61.086.622
- Trần Ngọc Hường	449.825	449.825
- Lãi tiền gửi phải thu (các hợp đồng gửi tiền)	15.947.916.668	19.070.888.890
3.4- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (**)	(155.591.501)	(378.691.501)
Cộng	48.017.527.072	622.032.159.395



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Ghi chú: ()** Đây là khoản trích lập dự phòng cho khoản phải thu có gốc phải thu là 378.691.501 đồng của Công Ty TNHH TM Nguyễn Chí, khoản phải thu này đã được Tòa Án ND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ra quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 09/2005/QĐ KDTM-DS ngày 30/9/2005 (theo quyết định của Tòa Án, Công Ty TNHH Nguyễn Chí phải trả cho Công Ty CP Nhiệt Điện Bà Rịa tổng số tiền là 959.300.000 đồng, đến ngày 31/12/2013 số tiền còn lại chưa thu hồi được là 155.591.501 đồng).

4. HÀNG TỒN KHO

- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Thành phẩm

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
147.248.125.505	135.380.317.731
109.525.426	121.658.550
69.373.405	68.597.335
147.427.024.336	135.570.573.616

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

5.1- Chi phí trả trước ngắn hạn

5.2- Thuế GTGT được khấu trừ

5.3- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (thuế nộp dư)

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân

5.4- Tài sản ngắn hạn khác

* *Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn*

- Ngân hàng TMCP An Bình (HD số 55-12/PMFV/MDV/TN)

* *Tạm ứng*

- Trần Xuân trường
- Thân Đức Vinh
- Phạm Vũ Hữu Nhân
- Nguyễn Kim Linh
- Bùi Thị Ái Nhung
- Nguyễn Thị Thùy Dương
- Lưu Văn Hồng

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
718.124.665	453.106.582
-	-
24.555.748.908	667.657.880
4.376.989.797	
19.018.408.058	
1.160.351.053	
80.661.537	114.319.429
	1.125.000
	1.125.000
80.661.537	113.194.429
	28.614.000
	15.765.429
	30.264.000
	20.000.000
	18.551.000
	29.328.845
	5.000.000
25.354.535.110	1.235.083.891

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	90.053.082.405	2.192.742.509.656	29.340.341.824	26.376.641.276	2.338.512.575.161
2. Số tăng trong kỳ	1.993.956.200	2.700.000.000	978.482.727	190.468.000	5.862.906.927
<i>Bao gồm:</i>					
- Do mua sắm mới	1.993.956.200	2.700.000.000	978.482.727	190.468.000	5.862.906.927
- Cải tạo sửa chữa					
- Chuyển từ XD CBDD					
3. Số giảm trong năm	68.694.807	720.078.046	108.170.700	1.205.131.855	2.102.075.408
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán		82.161.879		53.537.094	135.698.973
- Giảm khác	68.694.807	637.916.167	108.170.700	1.151.594.761	1.966.376.435
4. Số dư cuối năm	91.978.343.798	2.194.722.431.610	30.210.653.851	25.361.977.421	2.342.273.406.680

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	48.880.466.110	1.880.071.440.650	26.394.060.118	24.844.794.292	1.980.190.761.170
2. Số tăng trong năm	4.108.663.693	140.979.870.755	1.099.461.126	358.637.316	146.546.632.890
3. Số giảm trong năm	49.948.515	673.263.688	108.170.700	969.379.365	1.800.762.268
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán		82.161.879		53.537.094	135.698.973
- Giảm khác	49.948.515	591.101.809	108.170.700	915.842.271	1.665.063.295
4. Số dư cuối năm	52.939.181.288	2.020.378.047.717	27.385.350.544	24.234.052.243	2.124.936.631.792
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	41.172.616.295	312.671.069.006	2.946.281.706	1.531.846.984	358.321.813.991
2. Tại ngày cuối năm	39.039.162.510	174.344.383.893	2.825.303.307	1.127.925.178	217.336.774.888

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	3.011.117.583			17.918.800	3.029.036.383
2. Số tăng trong năm				877.947.256	877.947.256
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua sắm mới					
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác				877.947.256	877.947.256
3. Số giảm trong năm				17.918.800	17.918.800
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác				17.918.800	17.918.800
4. Số dư cuối năm	3.011.117.583			877.947.256	3.889.064.839
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	2.911.075.175			3.805.337	2.914.880.512
2. Số tăng trong năm	100.042.408			318.722.563	418.764.971
3. Số giảm trong năm				3.805.337	3.805.337
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác				3.805.337	3.805.337
4. Số dư cuối năm	3.011.117.583			318.722.563	3.329.840.146
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	100.042.408			14.113.463	114.155.871
2. Tại ngày cuối năm				559.224.693	559.224.693

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

8.1- Đầu tư dài hạn Số cuối năm 307.250.927.800 Số đầu năm 307.250.927.800

* Chi tiết :

Đầu tư cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
Công ty CP Nhiệt Điện Hải Phòng(chiếm 2%/ vốn điều lệ)	10.000.000	108.730.000.000	10.000.000	108.730.000.000
Công ty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh (chiếm 2,3%/ vốn điều lệ)	10.348.327	114.770.927.800	10.348.327	114.770.927.800
Công ty CP Thủy Điện Buôn Đôn (chiếm 25%/ vốn điều lệ)	8.375.000	83.750.000.000	8.375.000	83.750.000.000
Tổng cộng		307.250.927.800		307.250.927.800

8.2- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*) (12.609.819.429)
Cộng **294.641.108.371 307.250.927.800**

Ghi chú () : Đây là khoản trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty CP Nhiệt Điện Quảng Ninh căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013 bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam.*

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
9.1- Chi phí trả trước dài hạn	696.697.953	421.185.192
- Công cụ, dụng cụ sản xuất chờ phân bổ	696.697.953	421.185.192
9.2- Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		9.000.000.000
9.3- Tài sản dài hạn khác	210.840.000	208.150.000
- Ký quỹ đặt cọc thực hiện HĐ cung cấp phụ tùng của Cty LD Thanh An (# 10,000 USD)	210.840.000	208.150.000
Cộng	907.537.953	9.629.335.192

10. NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
10.1- Vay và nợ ngắn hạn	108.428.058.062	106.546.499.244
- Quỹ hỗ trợ PT Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi Nhánh NH Phát Triển Bà Rịa - Vũng Tàu) (# 2.498.910.507 Won) (a)	45.405.203.912	44.330.672.394
- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (# 2.988.990 USD) (b)	63.022.854.150	62.215.826.850

(a) Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả cho Chi Nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi Nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bà Rịa- Vũng Tàu) theo hợp đồng tín dụng vốn ODA số 21/TDNN ngày 20/12/2004 với tổng mức nợ vay là 49.978.210.130 Won; Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc - EDCF cho mục đích thực hiện dự án Đuôi Hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa; Thời hạn cho vay là 27 năm, lãi suất 2,2 %/ năm.

(b) Đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam vay từ nguồn vốn vay Ngân Hàng Thế Giới cho Công Ty CP Nhiệt Điện Bà Rịa vay theo hợp đồng cho vay lại số 10/2007/EVN-BTP/TCKT ngày 31/10/2007, số tiền vay theo hợp đồng là 24.045.481,42 USD để đầu tư xây dựng dự án đuôi hơi 306-1 Bà Rịa với mục đích đầu tư tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 8 năm, lãi suất 7,1 %/ năm (lãi suất thay đổi khi chi phí cố định trong giá mua điện của hợp đồng mua bán điện số 01-2006/BRPC-EVN ngày 27/12/2006 thay đổi, hình thức đảm bảo tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay).

10.2- Phải trả người bán	84.457.264.373	294.496.387.414
- Bảo hiểm Toàn Cầu Bà Rịa - Vũng Tàu	279.143.000	273.761.800
- CN Viettel Bà Rịa		23.319.400
- Công ty cấp nước Bà Rịa Vũng Tàu	100.277.270	198.912.375
- Công ty Cổ phần bán đầu giá Lam Sơn	5.686.750	10.365.000
- Công ty Cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam	21.758.000	18.899.100
- Công ty Cổ phần may mặc Xuân Phương Nam		165.825.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp và TM Kỹ Thuật Thăng Long		1.024.401.479
- Công ty SX và chế biến KD các SP khí	63.302.876.344	291.740.046.345
- Công ty TNHH ATC	91.410.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Gia Phúc		28.000.000
- Công ty TNHH Dệt May Lụa Tơ Tằm á Châu	42.347.250	42.347.250
- Công ty TNHH DV Điện Miền Nam	189.665.820	
- Công ty TNHH DV Xây Dựng Thành Huy	539.550.000	
- Công ty TNHH Kỹ Thuật Chống ăn mòn Glocoating VN		5.879.778
- Công ty TNHH MTV Phần Mềm Đức Nghĩa	5.418.600	
- Công ty TNHH MTV TB và Kỹ Thuật Khánh Linh	4.744.422	3.220.302
- Công ty TNHH Nam San	1.313.950.000	
- Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật Mê Kông	84.000.070	
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ G.P.K.T		16.258.000
- Công ty TNHH TM DV Hải Hưng Hoa	1.060.784.762	
- Công ty TNHH TM DV Tăng Phi	50.924.485	
- Công ty TNHH TM Kỹ Thuật Tri Việt	14.770.190.600	
- Công ty TNHH TM Thái Bình Dương Việt Thái		10.000.000
- Công ty TNHH TM và DV Quốc Huy	2.362.080.000	
- Công ty TNHH TM và DV Thanh An		535.433.925
- Công ty TNHH Xuân Thiên		305.030.264
- Doanh Nghiệp Tư nhân Phúc Thọ	5.324.000	
- Tập đoàn Điện Lực Việt Nam		7.381.026.5017
- Tổng Công ty Dung Dịch Khoan và Hóa Phẩm DK		8.356.300
- Trung Tâm CNTT - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9.817.115	
- Trung Tâm Công Nghệ Thông Tin	25.687.885	
- Khác	191.628.000	
10.3- Người mua trả tiền trước	1.430.000	
- Trường tiểu học Kim Đinh	1.400.000	
- Trường THCS Kim Đồng	30.000	
10.4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		52.171.106.904
- Thuế giá trị gia tăng		10.684.318.752
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		41.486.788.152
10.5- Phải trả người lao động	16.965.670.220	13.784.204.034
- Lương phải trả công nhân viên	16.965.670.220	13.784.204.034
10.6- Chi phí phải trả	3.121.408.420	39.959.250.765
- Chi phí sửa chữa lớn		36.000.000.000
- Lãi vay phải trả	3.121.408.420	3.959.250.765
10.7- Các khoản, phải trả phải nộp khác	3.833.415.689	3.127.654.311
- Các đối tượng khác	33.954.820	166.430.049
- Thuế thu nhập CBCNV tạm thu	1.299.327.961	805.482.863
- Công ty TNHH Kỹ thuật TM DV Phú Mỹ	9.338.450	9.338.450
- Tiền thu lao thu thuế thu nhập phải trả	1.268.701	1.268.701
- Nguyễn Thành Công	1.200.000	1.200.000
- Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	800.000	800.000
- Thủ lao thuế GTGT	1.029.785	1.029.785
- Nhà Chung cư Đạm PM		1.000.000
- Công ty Cổ phần Tân Thành Đô City Ford	1.200.000	1.200.000
- Trần Anh Tuấn	800.000	800.000
- Trương Đức Hải	800.000	800.000

7.381.026.5017
8.356.300
TRÁCH NHIỆM H
DỊCH VỤ TI
CHÍNH K
VÀ KIỂM T
PHÍA N
Y - TP. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

- Công ty TNHH Nhựa đường Chevron		800.000
- Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Bà Rịa	800.000	800.000
- Sở y tế Tỉnh BRVT	800.000	
- TT GD TX Dạy nghề & GTVL	800.000	
- Thủ lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát tại các đơn vị khác		2.160.000
- Trung Tâm Văn Hóa Bà Rịa		600.000
- Kinh phí công đoàn	22.966.450	220.074.744
- Thu tiền nước, điện CBCNV	30.053.532	14.706.450
- Quỹ bảo trợ xã hội	88.334.478	139.529.907
- Công ty TNHH Cấp nước Tóc Tiên	600.000	
- Bánh canh Long Hương	600.000	
- Quán Trống Mái	400.000	
- Quán Sông Rạch Hào	400.000	
- Trường mầm non Vành Khuyên	400.000	
- Công ty TNHH Cơ điện Minh Anh	400.000	
- Công ty TNHH Táo Khuyết Bà Rịa	400.000	
- Quán Lý Tường - thể chân vô bình	400.000	
- Trường THCS Tân Hưng	600.000	
- Nguyễn Văn Du	5.250.000	
- CN Công ty Cổ phần Kết cấu KL & Lắp máy DK - XN Xây lắp 2, 3	6.000.000	
- Chi cục ATVSTP Bà Rịa	400.000	
- Trần Văn Thám	400.000	
- Cổ tức Công ty Cổ phần Tài chính điện lực	806.550	
- Cổ tức phải trả các cổ đông	2.117.746.320	1.559.694.720
- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (Hệ thống Scada)	199.209.442	199.209.442
- Cổ tức Công ty Cổ phần Bất Động Sản Điện Lực Miền Trung	729.200	729.200
- Nguyễn Đình Hoàng	3.400.000	
- Tạp hóa Phong Nguyễn	1.800.000	
10.8- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.381.011.930	3.983.830.383
Cộng	226.188.258.694	514.068.933.055



11. NỢ DÀI HẠN

11.1- Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (# 1.628.056,42 usd) (a)	624.595.220.293	716.971.120.258
- Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam (# 11.428,57 usd)	34.327.569.616	96.103.821.232
- Quỹ hỗ trợ PT Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi Nhánh NH Phát Triển Bà Rịa - Vũng Tàu) (# 32.485.836.581 Won) (b)		237.885.685
	590.267.650.677	620.629.413.341
Cộng	624.595.220.293	716.971.120.258

Ghi chú:

(a) Đây là khoản vay dài hạn phải trả Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam vay từ nguồn vốn vay Ngân Hàng Thế Giới cho Công Ty CP Nhiệt Điện Bà Rịa vay theo hợp đồng cho vay lại số 10/2007/EVN-BTP/TCKT ngày 31/10/2007, số tiền vay theo hợp đồng là 24.045.481,42 USD để đầu tư xây dựng dự án Đuôi Hơi 306-1 Bà Rịa với mục đích đầu tư tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 8 năm, lãi suất 7,1 %/ năm (lãi suất thay đổi khi chi phí cố định trong giá mua điện của hợp đồng mua bán điện số 01-2006/BRPC-EVN ngày 27/12/2006 thay đổi, hình thức đảm bảo tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay);

(b) Đây là khoản vay dài hạn phải trả Chi Nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Chi Nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bà Rịa- Vũng Tàu) theo hợp đồng tín dụng vốn ODA số 21/TDNN ngày 20/12/2004 với tổng mức dư nợ vay là 49.978.210.130 Won; Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc - EDCF cho mục đích thực hiện dự án Đuôi Hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa; Thời hạn cho vay là 27 năm, lãi suất 2,2 %/ năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	604.856.000.000		1.873.036.809	7.142.254.271	(3.480.000.000)	2.087.628.040	274.221.640.709	886.700.559.829
- Tăng vốn trong năm trước			3.127.832.794			6.255.665.587		9.383.498.381
- Lãi trong năm trước							135.340.407.789	135.340.407.789
- Tăng khác					(6.440.810.179)			(6.440.810.179)
- Giảm vốn trong năm trước								
- Lỗ trong năm trước								
- Giảm khác							59.560.177.744	59.560.177.744
Số dư cuối năm trước	604.856.000.000		5.000.869.603	7.142.254.271	(9.920.810.179)	8.343.293.627	350.001.870.754	965.423.478.076
Số dư đầu năm nay	604.856.000.000		5.000.869.603	7.142.254.271	(9.920.810.179)	8.343.293.627	350.001.870.754	965.423.478.076
- Tăng vốn trong năm nay								-
- Lãi trong năm nay							55.021.182.049	55.021.182.049
- Tăng khác		7.560.228.689	6.698.734.947	12.397.469.893	9.920.810.179	12.397.469.893		48.974.713.601
- Giảm vốn trong năm nay								-
- Lỗ trong năm nay								-
- Giảm khác (*)			500.000.000				106.570.326.770	107.070.326.770
Số dư cuối năm nay	604.856.000.000	7.560.228.689	11.199.604.550	19.539.724.164	-	20.740.763.520	298.452.726.033	962.349.046.956

(*) Giảm khác của Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay, gồm:

- Chi trả cổ tức 2012 theo Nghị Quyết số 442/NQ-NDBR-HĐQT
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2012
- Trích Quỹ khen thưởng năm 2012
- Trích Quỹ phúc lợi năm 2012
- Trích Quỹ dự phòng tài chính năm 2012
- Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ năm 2012
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2012
- Trích bổ sung cổ tức phải trả số cổ phiếu quỹ đã bán

Cộng

Số tiền

65.214.160.000
12.397.469.893
3.618.000.000
5.427.621.037
12.397.469.893
6.198.734.947
500.000.000
816.871.000
106.570.326.770

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Địa chỉ: Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

- Vốn góp của Nhà nước
- Vốn góp của đối tượng khác

Cộng

Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
79,56%	481.235.570.000	481.235.570.000
20,44%	123.620.430.000	123.620.430.000
100%	604.856.000.000	604.856.000.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- + Vốn chủ sở hữu
- Vốn góp đầu năm
- Vốn góp tăng trong năm
- Vốn góp giảm trong năm
- Vốn góp cuối năm
- + Cổ tức lợi nhuận đã chia

	Năm nay	Năm trước
	604.856.000.000	604.856.000.000
	604.856.000.000	604.856.000.000
	65.214.160.000	
	Số cuối năm	Số đầu năm

d/ Cổ phiếu

- + Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- + Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi
- + Số lượng cổ phiếu được mua lại
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp

		1.200.000
	60.485.600	60.485.600
	60.485.600	60.485.600
		1.200.000
	59.769.507	59.285.600
	59.769.507	59.285.600
		1.200.000
	51.480.092.234	20.486.417.501
	19.539.724.164	7.142.254.271
	20.740.763.520	8.343.293.627
	11.199.604.550	5.000.869.603
	51.480.092.234	20.486.417.501

e/ Các quỹ của doanh nghiệp

- + Quỹ đầu tư và phát triển
- + Quỹ dự phòng tài chính
- + Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	1.122.968.040.651	1.422.783.637.541
	9.585.001.215	7.422.844.838
	1.132.553.041.866	1.430.206.482.379

13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước

14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Thuế xuất khẩu

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	1.122.968.040.651	1.422.783.637.541
	9.585.001.215	7.422.844.838
	1.132.553.041.866	1.430.206.482.379

15. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu thuận trao đổi sản phẩm, hàng hóa
- Doanh thu thuận trao đổi dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	1.044.280.313.267	1.228.489.255.157
	8.003.463.774	5.315.306.208
	1.052.283.777.041	1.233.804.561.365

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	74.969.070.911	27.684.774.856
	5.174.163.500	
	204.756.179	
	32.704.680.967	2.364.528.855
	113.052.671.557	30.049.303.711

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lỗ do trích lập dự phòng

Cộng

Năm nay	Năm trước
25.525.524.336	30.667.591.354
4.648.122.114	2.236.524.904
48.846.711.054	
12.609.819.429	(6.440.810.179)
91.630.176.933	26.463.306.079

19. THU NHẬP KHÁC

- Thu nhập từ việc thanh lý tài sản
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng
- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
145.000.000	
196.432.050	55.782.661
131.192.279	10.569.210.672
472.624.329	10.624.993.333

20. CHI PHÍ KHÁC

- Tiền phạt
- Chi phí thanh lý tài sản
- Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
148.414.902	111.103.976
129.850.571	
15.672.726	373.334.608
293.938.199	484.438.584

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay

Cộng

Năm nay	Năm trước
8.006.715.902	54.741.350.652
820.337.291	1.610.202.543
8.827.053.193	56.351.553.195

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Cộng

Năm nay	Năm trước
9.000.000.000	(9.000.000.000)
9.000.000.000	(9.000.000.000)

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
832.638.964.722	991.031.560.489
59.709.714.286	55.855.390.873
146.965.397.861	165.351.880.439
2.971.641.673	2.880.454.350
40.851.401.858	45.790.328.034
1.083.137.120.400	1.260.909.614.185

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
55.021.182.049	135.340.407.789
55.021.182.049	135.340.407.789
59.769.507	59.285.600
921	2.283

25. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Năm nay	Năm trước
408.000.000	408.000.000
408.000.000	408.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

26. THÔNG TIN BỔ SUNG

26.1- Các giao dịch chủ yếu giữa các bên liên quan:

STT	Đối tượng	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số phát sinh trong kỳ	Số dư tại 31/12/2013	
					Phải thu	Phải trả
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam	Công ty mẹ của	Tổng công ty Phát điện 3 Vay và nợ ngắn hạn Vay dài hạn Lắp đặt hệ thống Scada Lãi vay phải trả Thanh toán lãi vay Bù trừ tiền điện và công nợ Vay tiền	62.565.538.680		63.022.854.150 34.327.569.616 199.209.442 1.151.980.030
2	Công ty Mua bán điện	Cùng tập đoàn	Phải thu tiền bán điện Số tiền đã thu	1.251.324.901.157 1.827.413.332.342	24.330.805.373	
3	Tổng công ty phát điện 3	Công ty mẹ	Dịch vụ bảo trì máy móc	282.350.000		

26.2- Về báo cáo bộ phận:

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi toàn quốc.

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận.

Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc và chủ yếu là hoạt động kinh doanh điện với doanh thu chiếm trên 99% nên không lập báo cáo bộ phận

26.3- Công cụ tài chính:

* Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty.

* Các chính sách kế toán chủ yếu

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và Thuyết minh các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

* Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	471.888.793.535	222.309.481.633	471.888.793.535	222.309.481.633
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.084.428.057	622.378.051.196	47.928.836.556	621.999.359.695
Đầu tư ngắn hạn	607.000.000.000	540.000.000.000	607.000.000.000	607.000.000.000
Đầu tư dài hạn	307.250.927.800	307.250.927.800	294.641.108.371	307.250.927.800
Tài sản tài chính khác			-	-
Tổng cộng	1.434.224.149.392	1.691.938.460.629	1.421.458.738.462	1.758.559.769.128
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	733.023.278.355	823.517.619.502	733.023.278.355	823.517.619.502
Phải trả người bán và phải trả khác	88.290.680.062	297.624.041.725	88.290.680.062	297.624.041.725
Phải trả người lao động	16.965.670.220	13.784.204.034	16.965.670.220	13.784.204.034
Chi phí phải trả	3.121.408.435	39.959.250.765	3.121.408.435	39.959.250.765
Tổng cộng	841.401.037.072	1.174.885.116.026	841.401.037.072	1.174.885.116.026

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc 31/12/2013 do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31/12/2013.

*** Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng:

Các khoản phải thu khách hàng đều được khách hàng trả trước nên đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng:

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

*** Quản lý rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty hiện tại không có do Công ty có nguồn tiền có thể đáp ứng được cho các khoản thanh toán.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	471.888.793.535		471.888.793.535
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.928.836.556		47.928.836.556
Đầu tư ngắn hạn	607.000.000.000		607.000.000.000
Đầu tư dài hạn		294.641.108.371	294.641.108.371
Tài sản tài chính khác			
Tổng cộng	1.126.817.630.091	294.641.108.371	1.421.458.738.462
Tại 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	222.309.481.633		222.309.481.633
Phải thu khách hàng và phải thu khác	621.999.359.695		621.999.359.695
Đầu tư ngắn hạn	140.000.000.000	400.000.000.000	540.000.000.000
Đầu tư dài hạn		294.641.108.371	294.641.108.371
Tài sản tài chính khác			
Tổng cộng	984.308.841.328	694.641.108.371	1.678.949.949.699

*** Quản lý rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Phần lớn phát sinh ngoại tệ chủ yếu là do các khoản công nợ phải thu và các khoản công nợ này của Công ty được đã được khách hàng thanh toán trước.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu là liên quan đến các khoản vay. Công ty phát sinh khoản vay có nguồn vốn ODA nên rủi ro lãi suất là không cao.

Rủi ro về giá khác:

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

27. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM

	Năm nay	Năm trước
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	72.848.235.242	182.691.960.986
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.042.073.188	36.291.103.976
+ Các khoản điều chỉnh giảm	41.863.444.823	17.662.355
+ Tổng thu nhập chịu thuế	32.026.863.607	218.965.402.607
+ Thuế TNDN phải nộp	8.006.715.902	54.741.350.652
+ Thuế TNDN được miễn, giảm		
+ Thuế TNDN bổ sung	820.337.291	1.610.202.545
+ Thuế TNDN còn phải nộp	8.827.053.193	56.351.553.197
+ Thuế TNDN hoãn lại	9.000.000.000	(9.000.000.000)
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	55.021.182.049	135.340.407.789

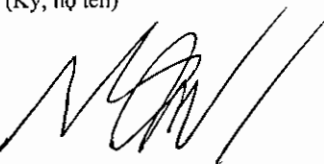
28. THÔNG TIN BỔ SUNG

Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2013 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm Toán phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Phạm Hùng Minh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Thị Bảo Xuân

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tiến Dũng